

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2019/HC-PT

Ngày 15 - 5 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết
kiếu nại và quyết định thu hồi giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Trí Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngát - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 12/2019/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1944.

Địa chỉ: tổ 02, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân ban nhân dân huyện P2, tỉnh An Giang (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban nhân dân huyện P2, tỉnh An Giang. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Trung C và ông Trần Văn R. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu Th1, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 02, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

2/. Bà Lê Thị Thu Th1, sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: tổ 02, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th, bà Th1: Ông Phạm Ngọc M – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh An Giang. (có mặt)

3/. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 02, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Ngọc X và bà Trần Thị Đ là vợ chồng. Ông X với ông Th là bà con có chung ông cố. Đất bà Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng có nguồn gốc của ông bà ông X để lại.

Ngày 06/12/1999, ông Nguyễn Ngọc X (chồng bà Trần Thị Đ) được Ủy ban nhân dân huyện P2, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) số 002816 QSDĐ/HC, diện tích 902.20m² đất tại ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

Sau khi ông X chết, bà Trần Thị Đ thừa kế diện tích đất 902.20m² nêu trên. Ngày 04/8/2014, được Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) huyện P2 cấp thành 02 GCNQSDĐ: GCNQSDĐ số bìa 332804, số vào sổ CH 01856, thửa số 56, tờ bản đồ diện tích 447.4m²(thửa đất này có nhà ông Th và nhà ông P); GCNQSDĐ số bìa 332805, số vào sổ CH 01857, thửa số 60, tờ bản đồ số 17, diện tích 454.8m².

Ngày 16/9/2015, UBND huyện P2 ban hành Thông báo số: 2960/TB - UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật (Viết tắt Thông báo số: 2960/TB -UBND), có nội dung thửa số 56, tờ bản đồ số 17, diện tích 447.4m², do có nhà của ông Th và nhà ông P trên đất trước khi ông X được cấp GCNQSDĐ mà không có ý kiến hay thỏa thuận của ông Th, ông P.

Bà Đ khiếu nại Thông báo số 2960/TB -UBND, được UBND huyện P2 giải quyết bằng Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 về việc giải quyết

khieu nại của bà Trần Thị Đ, với nội dung: Giữ nguyên Thông báo số 2960/TB - UBND.

Ngày 23/9/2016, UBND huyện P2 ban hành Quyết định số 4384/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ (Viết tắt Quyết định số 4384/QĐ- UBND), có nội dung: Thu hồi GCNQSDĐ số vào sổ CH 01856 ngày 04/8/2014, thửa số 56, tờ bản đồ số 17, diện tích 447.4m², do UBND huyện P2 cấp cho bà Trần Thị Đ. Lý do thu hồi: cấp chưa đúng theo quy định của pháp luật.

Do bà Đ không nộp lại GCNQSDĐ, nên ngày 13/12/2016, UBND huyện P2 ban hành Quyết định số 11124/QĐ-UBND về việc hủy GCNQSDĐ nêu trên của bà Đ.

Ngày 20/7/2017, bà Trần Thị Đ có Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, yêu cầu: Hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại (Viết tắt Quyết định số: 03/QĐ-UBND); hủy Quyết định số: 4384/QĐ-UBND.

UBND huyện P2 có Công văn số 3231/UBND-TNMT ngày 01/12/2017 với nội dung UBND huyện P2 thu hồi GCNQSDĐ của bà Trần Thị Đ, với lý do khi cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Ngọc X (chồng bà Đ) trên đất đã có nhà của ông Nguyễn Văn Th sử dụng từ trước năm 1980 nhưng không có ý kiến của ông Th; Việc thu hồi GCNQSDĐ của bà Trần Thị Đ là đúng quy định pháp luật về đất đai.

Ngày 08/5/2018, ông Nguyễn Văn Th và bà Lê Thị Thu Th1 có Tờ tường trình gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trình bày nguồn gốc đất ông bà cất nhà là do cha, mẹ của ông, bà cho ở từ năm 1975 đến nay. Do thường xuyên không ở địa phương, nên khi đo đạc đại trà ông, bà không biết việc ông X kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Ông, bà đồng ý việc UBND huyện P2 thu hồi GCNQSDĐ của bà Đ.

Ông Nguyễn Văn P không gửi ý kiến về vụ án, vắng mặt không lý do suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HC-ST ngày 30/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Đ và Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/9/2018, bà Trần Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Đ nêu ý kiến vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ

thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Đ nộp trong hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Chủ tịch UBND huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đ và Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND huyện P2 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ, với lý do diện tích bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của vợ chồng bà, vợ chồng ông Th, bà Th1 chỉ là người ở nhờ trên đất.

[2] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đ là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

Ngày 30/5/1999, ông Nguyễn Ngọc X đứng đơn kê khai diện tích đất: Thửa số 56 diện tích 447.4m², thửa số 60, diện tích 454.8m², loại đất thổ, nguồn gốc sử dụng đất “Đất của cha là ông Nguyễn Văn Th2 để lại cho con”, nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X không có giấy tờ ông Than để lại đất cho ông X (BL 98); Biên bản xác định ranh giới mốc giới khu đất ngày 21/3/1999 (BL 96), có vẽ họa đồ khu đất, có tứ cận ký tên, không thể hiện có nhà của ông P và nhà ông Th, bà Th1 trên đất, không có ý kiến của các ông bà này trong Biên bản hoặc văn bản thỏa thuận trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông X.

Theo nội dung Đơn khởi kiện bà Đ trình bày ông Th cất nhà trên đất từ năm 1997 (trước khi ông X được cấp GCNQSDĐ 02 năm), còn ông Th, bà Th1 trình bày đã cất nhà ở ổn định trên đất từ năm 1975 đến nay. Mặc dù các bên trình bày không thống nhất về thời gian, nhưng đã thể hiện ông Th có nhà trên đất trước khi ông X đăng ký kê khai xin cấp quyền sử dụng đất, nhưng hồ sơ cấp Giấy không thể hiện trên đất có nhà ông P, nhà ông Th là không đúng thực tế. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hồ sơ cấp GCNQSDĐ không có ý kiến

của ông P, ông Th là vi phạm khoản 3 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993, nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông X không đúng quy định là có căn cứ.

Do GCNQSDĐ của ông X không đúng quy định, nên GCNQSDĐ số bìa 332804, sổ vào sổ CH 01856, thửa số 56, tờ bản đồ số 17, diện tích 447.4m² do UBND huyện P2 cấp cho bà Đ ngày 04/8/2014 cũng không đúng quy định của pháp luật. UBND huyện P2 ban hành Quyết định số 4384/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ của bà Đ là có căn cứ.

Trước khi ban hành Quyết định số 4384/QĐ-UBND, UBND huyện P2 đã giao cho Thanh tra huyện P2 thẩm tra việc cấp GCNQSDĐ; Thanh tra đã có Kết luận số 05/KL-Ttr ngày 27/4/2015 kiến nghị UBND thu hồi GCNQSDĐ của bà Đ. Trên cơ sở Kết luận của Thanh tra, UBND huyện ban hành Thông báo số 2960/TB-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định pháp luật là đã thực hiện đúng trình tự thu hồi GCNQSDĐ được quy định tại Điều 87 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP.

Theo đơn kháng cáo bà Đ trình bày, ông Th, bà Th1 ở nhờ trên đất của ông X từ năm 1975 nên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cần phải có ý kiến của người ở nhờ. Tuy nhiên, việc ở nhờ như bà Đ trình bày không được ông Th, bà Th1 xác nhận, không có văn bản tài liệu gì chứng minh về việc ở nhờ nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà Đ về nội dung này.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ. Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Bà Trần Thị Đ là người cao tuổi, được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Đ. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2018/HCST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ đối với Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị Đ và Quyết định số 4384/QĐ-

UBND ngày 23/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P2 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2/. Về án phí: Bà Trần Thị Đ được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trí Tuấn

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy